



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS FOR THE FIRST TIME
(Kèm theo quyết định số : /QĐ - VPCNCL ngày tháng 02 năm 2025
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm nghiệm**

Laboratory: **Quality Control Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Sở Y tế tỉnh Hà Giang**

Organization: **Ha Giang Department of Health**

Lĩnh vực: **Dược, Hóa**

Field: **Pharmaceutical, Chemical**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Nguyễn Đức Thuận**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1014**

Hiệu lực công nhận/ period of validation: : **Kể từ ngày / 02 / 2025 đến ngày 06 / 11 / 2026**

Địa chỉ / Address: **Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang**

Địa điểm / Location: **Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 2193 866 713**

Fax: **(+84) 2193 862 473**

E-mail: **ttkiemnghiem@ytehagiang.org.vn**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS
VILAS 1014

Lĩnh vực thử nghiệm: **Dược**

Field of Testing: **Pharmaceutical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thuốc (thành phẩm) Drugs (drug dosage)	Xác định độ đồng đều hàm lượng Phương pháp HPLC <i>Determination of Uniformity HPLC method</i>		Dược điển Việt Nam (ĐĐVN), dược điển các nước, các tiêu chuẩn sơ sở do Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopeia, other pharmacopeia, manufacturer's specification approved by MOH</i>
2.		Xác định độ hòa tan Phương pháp HPLC <i>Determination of Dissolution HPLC method</i>		
3.		Xác định tạp chất liên quan Phương pháp HPLC <i>Determination of Related substances HPLC method</i>		
4.		Định tính hoạt chất chính Phương pháp HPLC <i>Identification of main substance HPLC method</i>		
5.		Định lượng hoạt chất chính Phương pháp HPLC <i>Assay of main substance HPLC method</i>		
6.		Xác định hàm lượng chất bảo quản metyl paraben và propin paraben Phương pháp HPLC <i>Assay metyl paraben and propin paraben HPLC method</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS
VILAS 1014

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Rượu chưng cất <i>Distilled liquors</i>	Xác định hàm lượng Aldehyd Phương pháp so màu <i>Determination of aldehydes content Colorimetric method</i>		TCVN 8009:2009
2.		Xác định hàm lượng Este Phương pháp UV-Vis <i>Determination of ester content UV-Vis method</i>		TCVN 11029:2015
3.	Bánh ngọt không kem <i>Non-cream sweet cake</i>	Xác định Độ ẩm Phương pháp sấy <i>Determination of moisture content Loss on drying method</i>		TCVN 4069:2009
4.		Xác định hàm lượng Acid Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of acide content Titration method</i>		TCVN 4073:2009
5.		Xác định hàm lượng tro không tan trong Acid clohydric Phương pháp khối lượng <i>Determination of insoluble ash in hydrochloric acid. Gravimetric method</i>		TCVN 4071:2009
6.	Thực phẩm <i>Foodstuffs</i>	Định tính và bán định lượng Natri borat và Axit boric <i>Qualitative and semiquantitative of Sodium borate and boric acid Colorimetric method</i>		TCVN 8895:2012

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ Vietnamese Standard
 Trường hợp Trung tâm Kiểm nghiệm cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the Quality Control Center that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.